

**SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN ĐKKV CAI LẬY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 34/BVĐKKV-VTTBYT

Cai Lậy, ngày 06 tháng 01 năm 2026

V/v mời chào giá Dự toán mua sắm
“Tủ sấy dụng cụ kim loại phải rửa
bằng tay, Máy cắt và ép túi tiệt trùng
tự động, Máy phun khử khuẩn, Bộ
dụng cụ phẫu thuật nội soi”

Kính gửi: Các Công ty, nhà cung cấp

Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm “Tủ sấy dụng cụ kim loại phải rửa bằng tay, Máy cắt và ép túi tiệt trùng tự động, Máy phun khử khuẩn, Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi”.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy mời các Quý nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hóa báo giá theo danh mục và biểu mẫu chào giá với các nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Võ Duy Dương, nhân viên phòng Vật tư thiết bị y tế, số điện thoại: 0987 638 640.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư Thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy. Địa chỉ: Số 398 đường Quốc lộ 1, khu phố 1A, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp.

- Nhận qua đường bưu điện gửi về địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị Y tế - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy (Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, khu phố 1A, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp). Bên ngoài bì thư ghi rõ bảng báo giá gói thầu: “Tủ sấy dụng cụ kim loại phải rửa bằng tay, Máy cắt và ép túi tiệt trùng tự động, Máy phun khử khuẩn, Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi”.

- Nhận qua email: cailay.bvdkkv@dongthap.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08/01/2026 đến hết ngày 19/01/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu ≥ 180 ngày kể từ ngày kết thúc nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị), như sau:

Stt	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Tủ sấy dụng cụ kim loại phải rửa bằng tay	Cái	01	1. Yêu cầu chung - Năm sản xuất thiết bị: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Nguồn điện cung cấp: 200-240V/50 Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa ≥ 40 độ C + Độ ẩm tối đa $\geq 80\%$ - Nước sản xuất: thuộc các nước ASEAN, G20. 2. Cấu hình cung cấp - Tủ Sấy: 01 Cái - Khay chứa dụng cụ bằng Inox 304: ≥ 08 khay - Có đèn chiếu sáng trong buồng sấy. - Đầu nối dây tháo lắp: ≥ 25 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh (nếu có): 01 Bộ 3. Thông số kỹ thuật - Kết cấu: vỏ có 02 lớp cách nhiệt, chất liệu inox 304. - Thể tích buồng sấy: ≥ 800 Lit - Nhiệt độ sấy thay đổi được : 25°C đến $\geq 90^{\circ}\text{C}$. - Công suất: ≤ 3 KW - Tủ có 2 cửa; trước và sau theo quy tắc 1 chiều. - Thời gian sấy: Cài đặt theo yêu cầu tối đa đến ≥ 480 phút. - Hệ thống luân chuyển dòng khí tuần hoàn. - Bảng điều khiển có hệ thống đèn báo hiển thị: chương trình, thời gian sấy khô, nhiệt độ cài đặt, nhiệt độ đang sấy, độ ẩm, cảnh báo lỗi... - Tự động ngắt khi có sự cố (nhiệt độ vượt ngưỡng an toàn, ...) 4. Yêu cầu khác: - Bảo hành ≥ 12 tháng.

Stt	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Thông số kỹ thuật
2	Máy cắt và ép túi tiết trùng tự động	Cái	01	1. Yêu cầu chung - Năm sản xuất thiết bị: năm 2025 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Thiết bị mới 100% - Nguồn điện cung cấp: 200-240V/50 Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$ - Nước sản xuất: Các nước G20 2. Cấu Hình Thiết Bị: - Máy chính: 01 cái - Túi ép: ≥ 01 cuộn - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh (nếu có): 01 bộ 3. Thông số kỹ thuật: - Loại thiết bị: Máy hàn & cắt túi tiết trùng được tích hợp chung. - Quy trình hoạt động: Tự động sau khi được cài đặt. - Độ dài túi cắt điều chỉnh được: 5cm đến $\geq 1000\text{cm}$. - Độ rộng tối đa của cuộn túi cắt: Cắt được các loại túi ép có độ rộng: $\leq 420\text{mm}$. - Nhiệt độ hàn điều chỉnh được: $60- 220^{\circ}\text{C}$. - Tốc độ hàn: $\geq 10\text{m/phút}$. - Bề rộng đường hàn: từ 10 đến 12 mm. - Đảo ngược chiều quay motor khi cần thiết. - Công suất máy tối đa: $\leq 1 \text{ KW}$ 4. Yêu cầu khác: - Bảo hành 12 tháng
3	Máy phun khử khuẩn	Cái	01	1. Yêu cầu chung - Năm sản xuất thiết bị: Năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.

Stt	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				- Điện áp sử dụng: 200-240V -50Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 0°C đến ≥ 30 °C. + Độ ẩm tối đa: từ 15% đến ≥ 95 %, không đọng sương. - Nước sản xuất: Các nước G7 2. Cấu hình cung cấp - Máy chính: 01 máy - Bình chứa dịch: 01 cái - Hoá chất phun: ≥ 01 chai - Dây nguồn: 01 cái - Xe đẩy (hoặc tích hợp theo máy chính): 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh (nếu có): 01 bộ 3. Thông số kỹ thuật - Mục đích sử dụng: Hệ thống phun khử khuẩn môi trường. - Công suất tiêu thụ của hệ thống: ≤ 1 kW. - Tốc độ xoay: ≥ 22.000 vòng/ phút (rpm). - Tốc độ phun sương: 80 - ≥ 120 m/giây. - Kích thước hạt sương tối: $\leq 2 - \leq 4$ micron. - Lưu lượng phun trung bình: 2.000ml/ giờ ($\pm 10\%$). - Mức sử dụng dung dịch tối đa: 22ml/ phút ($\pm 10\%$). - Tùy chỉnh mức độ phun ≥ 06 mức. - Thể tích khử khuẩn: tối đa ≥ 2.000 m³ <i>Yêu cầu kỹ thuật thể hiện chức năng của thiết bị:</i> - Chức năng vận hành: thiết lập thể tích phòng (tính bằng m³) và sử dụng được nhiều loại dung dịch phun khử khuẩn. - Chức năng thời gian chờ kích hoạt từ 30-60 giây để người sử dụng ra khỏi phòng. - Chức năng tự động tắt máy khi hoàn thành chương trình phun.

Stt	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				- Chức năng giám sát lượng dung dịch trong bình và có cảnh báo hết dung dịch. - Chức năng quản lý cảnh báo bảo trì thiết bị: Tự động hiển thị trên màn hình. - Tích hợp cổng USB truy xuất dữ liệu, cho phép in và báo cáo kết quả phun khử khuẩn. - Tích hợp phần mềm quản lý cho phép thiết lập các thông tin người sử dụng. 4. Yêu cầu khác: - Thời gian bảo hành: 12 tháng.
4	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi	Bộ	01	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi (Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tổng quát) 1. Yêu cầu chung: - Năm sản xuất thiết bị/dụng cụ: Năm 2025 trở về sau, thiết bị mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. - Sử dụng tương thích với hệ thống phẫu thuật nội soi hãng sản xuất: Olympus, hiện có tại Bệnh viện, như sau: Camera Model: CH-S200-XZ-EB, Nguồn sáng LED Model: OTV-S300, máy bơm CO₂ ổ bụng Model: UHI-4. - Nước sản xuất: Các nước thuộc G7 2. Cấu hình cung cấp và thông số kỹ thuật kèm theo: - Dụng cụ Tiệt trùng được bằng phương pháp Plasma hydro peroxide. (trừ vật tư tiêu hao)
4.1	Ống soi HD	Cái	01	Ống soi HD, Ø 10mm, góc soi 30°, chiều dài làm việc 330mm (±10% chiều dài).
4.2	Dây dẫn sáng	Cái	01	Dây dẫn sáng, đường kính Ø 4.8mm, dài 300cm (±10% chiều dài).
4.2.1	Bộ chuyển đổi kết nối dụng cụ	Cái	01	Bộ chuyển đổi kết nối dụng cụ chuẩn Olympus
4.2.2	Bộ chuyển đổi kết nối nguồn sáng	Cái	01	Bộ chuyển đổi kết nối nguồn sáng chuẩn Olympus
4.2.3	Tay cầm cho bộ chuyển đổi	Cái	01	Tay cầm cho bộ chuyển đổi tương thích với dây dẫn sáng.
4.3	Ống dẫn CO ₂	Cái	01	Ống dẫn CO ₂ , dài 3m (±10%), đường kính 8mm
4.4	Kéo Metzenbaum	Bộ	01	Kéo Metzenbaum nội soi, Ø 5mm, chiều dài làm

Stt	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Thông số kỹ thuật
	nội soi			việc 330mm ($\pm 10\%$), cong, hoạt động đôi, xoay được, đơn cực. Có đầu cầm dây đốt điện đơn cực. Gồm 3 phần: Vỏ + ruột + tay cầm không khóa (cán)
4.5	Kéo cắt chỉ nội soi	Bộ	01	Kéo cắt chỉ nội soi, Ø 5mm, chiều dài làm việc 330mm ($\pm 10\%$), xoay được, đơn cực. Có đầu cầm dây đốt điện đơn cực. Gồm 3 phần: Vỏ + ruột + tay cầm không khóa (cán)
4.6	Kẹp Maryland	Bộ	01	Kẹp Maryland, Ø 5mm, chiều dài làm việc 330mm ($\pm 10\%$), cong, hoạt động đôi, xoay được, đơn cực. Có đầu cầm dây đốt điện đơn cực. Gồm 3 phần: Vỏ + ruột + tay cầm có khóa (cán)
4.7	Kẹp Maryland	Bộ	01	Kẹp Maryland, Ø 5mm, chiều dài làm việc 340mm ($\pm 10\%$), cong, vỏ xoay được, lưỡng cực. Có đầu cầm dây đốt điện lưỡng cực. Gồm 3 phần: Vỏ + ruột + tay cầm có khóa (cán)
4.8	Kẹp mang kim đầu thẳng	Bộ	01	Kẹp mang kim đầu thẳng: đường kính 5mm, chiều dài làm việc 450mm ($\pm 10\%$), tay cầm dạng thẳng
4.9	Kẹp mang kim đầu cong trái	Bộ	01	Kẹp mang kim đầu cong trái: đường kính 5mm, chiều dài làm việc 450mm ($\pm 10\%$), tay cầm dạng thẳng
4.10	Kéo phẫu tích răng cá sấu	Bộ	01	Kéo phẫu tích răng cá sấu, Ø 5mm, chiều dài làm việc 330mm ($\pm 10\%$), hoạt động đôi, xoay được, đơn cực. Có đầu cầm dây đốt điện đơn cực. Gồm 3 phần: Vỏ (tích hợp với tay cầm) + ruột + tay cầm không khóa (cán)
4.11	Kẹp gấp Babcock	Bộ	01	Kẹp gấp Babcock, Ø 5mm, chiều dài làm việc 330mm ($\pm 10\%$), chiều dài ngàm 30mm, hoạt động đôi, xoay được, đơn cực. Có đầu cầm dây đốt điện đơn cực. Gồm 3 phần: Vỏ + ruột + tay cầm có khóa (cán)
4.12	Kìm kẹp clip cỡ M	Bộ	01	Kìm kẹp clip, đường kính 10mm, chiều dài làm việc 330mm ($\pm 10\%$), xoay 360°, có cổng vệ sinh Luer-Lock, dùng cho clip Titanium Ethicon, cỡ trung bình (M)
4.13	Kìm kẹp clip cỡ L	Bộ	01	Kìm kẹp clip, đường kính 10mm, chiều dài làm việc 330mm ($\pm 10\%$), xoay 360°, có cổng vệ sinh Luer-Lock, dùng cho clip Titanium Ethicon, cỡ lớn (L)
4.14	Điện cực đốt	Bộ	01	Điện cực đốt và cầm máu hình L, đường kính

Stt	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				lưỡi 5mm, chiều dài 450mm ($\pm 10\%$), Có đầu cầm dây đốt điện đơn cực. Gồm vỏ + ruột
4.15	Dây nối dụng cụ nội soi đơn cực	Sợi	01	Dây nối dụng cụ nội soi đơn cực, chuẩn thiết bị 8mm, chuẩn dụng cụ 4mm, dây dài 4.5m ($\pm 10\%$), (sử dụng tương thích với dao mổ điện hãng sản xuất: Bowa – Đức)
4.16	Dây nối dụng cụ nội soi lưỡng cực	Sợi	01	Dây nối dụng cụ nội soi lưỡng cực, chuẩn châu Âu, dây dài 4.5m ($\pm 10\%$), tiết trùng bằng phương pháp Plasma hydro peroxide (sử dụng tương thích với dao mổ điện hãng sản xuất: Bowa – Đức)
4.17	Ống tưới/ hút dịch	Bộ	01	Ống tưới/hút dịch chất liệu bằng thép không gỉ, đường kính 5mm, chiều dài 330mm ($\pm 10\%$)
4.18	Tay cầm tưới/ hút dịch	Bộ	01	Tay cầm tưới/ hút dịch có khóa, chất liệu bằng thép không gỉ,
4.19	Trocar Ø 11	Bộ	01	Trocar Ø 11mm, chất liệu PPSU, có vòng xoắn, chiều dài làm việc 150mm ($\pm 10\%$) (bao gồm nắp và van)
4.20	Trocar Ø 11	Bộ	01	Trocar Ø 11mm, chất liệu thép, loại trơn, chiều dài làm việc 150mm ($\pm 10\%$) (bao gồm nắp và van)
4.21	Nòng trong trocar Ø 11	Cái	01	Nòng trong trocar Ø 11mm, chiều dài làm việc 150mm ($\pm 10\%$), đầu nhọn hình tháp
4.22	Van giảm khẩu	Cái	01	Van giảm khẩu có bản lề và xoay, giảm từ Ø 11mm xuống Ø 5.5mm.
4.23	Trocar Ø 5.5	Cái	02	Trocar Ø 5.5mm, chất liệu PPSU, có vòng xoắn, chiều dài làm việc 150mm ($\pm 10\%$) (bao gồm nắp và van)
4.24	Nòng trong trocar Ø 5.5	Cái	01	Nòng trong trocar Ø 5.5mm, chiều dài làm việc 150mm ($\pm 10\%$), đầu nhọn hình tháp
4.25	Nắp đáy trocar Ø 11	Cái	10	Nắp đáy trocar Ø 11mm, sử dụng tương thích với (mục 4.18 - 4.19), (Gói 10 cái)
4.26	Van silicone trocar Ø 11	Cái	10	Van silicone trocar Ø 11mm, sử dụng tương thích với (mục 4.18 - 4.19), (Gói 5 cái)
4.27	Nắp đáy trocar Ø 5.5	Cái	10	Nắp đáy trocar Ø 5.5mm, sử dụng tương thích với (mục 4.22), (Gói 10 cái)
4.28	Van silicone trocar Ø 5.5	Cái	10	Van silicone trocar Ø 5.5mm, sử dụng tương thích với (mục 4.22), (Gói 5 cái)

Yêu cầu khác:

- Giá trên đã bao gồm thuế chi phí vận chuyển lắp đặt và các chi phí khác.
- 2. Biểu mẫu chào giá: Theo mẫu đính kèm

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CNTT (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTBYT (HSMS).

Q. GIÁM ĐỐC

BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 34/BVĐKCL-VTTBYT ngày 06 tháng 01 năm 2026)

Tên nhà cung cấp: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại liên hệ: ...

Email: ...

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy

Trên cơ sở mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy, Công ty chúng tôi chào giá cung cấp hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có)

Stt	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Cấu hình/Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn có liên quan ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Số lượng ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)
1										
2										
...										

(Giá trên đã bao gồm thuế GTGT theo mức thuế suất quy định của hàng hóa/dịch vụ; các loại thuế khác, phí, lệ phí; chi phí vận chuyển và tất cả các chi phí khác liên quan). *(Kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có))*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ≥ 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Đơn giá của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện của nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Ghi chủng loại hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong văn bản mời chào giá .

(2) Nhà cung cấp ghi rõ Cấu hình/Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn có liên quan.

(3) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.

(4),(5),(6),(7),(8) Nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS năm sản xuất, xuất xứ, đơn vị tính, số lượng của từng loại hàng hóa.

(9) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)).

(10) Nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế GTGT, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong văn bản mời chào. Nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).